

QUYẾT ĐỊNH

**Công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành;
được sửa đổi, bổ sung, thay thế; bãi bỏ và phê duyệt Quy trình thực hiện
theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong lĩnh vực Đường thủy nội địa
thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Giao thông vận tải tỉnh Cà Mau**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 và được sửa đổi,
bổ sung năm 2017, năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về
kiểm soát thủ tục hành chính và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017
của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến
kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về
thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành
chính;*

*Căn cứ Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg ngày 19/10/2016 của Thủ tướng
Chính phủ về việc tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua
dịch vụ bưu chính công ích;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng,
Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục
hành chính và Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Bộ trưởng,
Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị
định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một
cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Quyết định số 285/QĐ-BGTVT ngày 23/02/2021 của Bộ trưởng
Bộ Giao thông vận tải về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, sửa
đổi, bổ sung và thay thế trong lĩnh vực đường thủy nội địa thuộc phạm vi chức
năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số 32/TTr-
SGTVT ngày 22/3/2021.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố, phê duyệt kèm theo Quyết định này:

1. Công bố Danh mục 11 thủ tục hành chính mới ban hành, 13 thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, thay thế và 03 thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực Đường thủy nội địa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Giao thông vận tải tỉnh Cà Mau được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công bố tại Quyết định số: 657/QĐ-UBND ngày 13/4/2016, 1684/QĐ-UBND ngày 29/9/2016, 727/QĐ-UBND ngày 19/4/2017, 1364/QĐ-UBND ngày 28/8/2018, 1031/QĐ-UBND ngày 24/6/2019, 420/QĐ-UBND ngày 17/3/2020 (kèm theo danh mục).

2. Phê duyệt Quy trình nội bộ, liên thông và điện tử thực hiện theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông giải quyết đối với 24 thủ tục hành chính cấp tỉnh trong lĩnh vực Đường thủy nội địa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Giao thông vận tải tỉnh Cà Mau. Thay thế 16 Quy trình nội bộ, liên thông và điện tử được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 709/QĐ-UBND ngày 25/4/2019 và khoản 2, Điều 1 Quyết định số 420/QĐ-UBND ngày 17/3/2020 (kèm theo quy trình).

Điều 2. Giao Sở Giao thông vận tải chủ trì, phối hợp Sở Thông tin và Truyền thông, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh (Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính tỉnh) và các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức thực hiện Điều 1 Quyết định này theo đúng quy định. Hoàn thành xong trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày Quyết định có hiệu lực thi hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Giao thông vận tải, Giám đốc Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính tỉnh và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Thay thế 13 thủ tục hành chính cấp tỉnh (STT: 76, 79, 81, 82, 83, 84, 85, 86, 88, 89, 101, 110, 118) tại phần Danh mục ban hành kèm theo Quyết định số 1567/QĐ-UBND ngày 25/9/2018, Quyết định số 727/QĐ-UBND ngày 19/4/2017 và Quyết định số 1031/QĐ-UBND ngày 24/6/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục KSTTHC, VPCP (CDVCQG);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- CVP, các PVP UBND tỉnh;
- Sở Thông tin và Truyền thông;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Phòng CCHC (Đời, 32);
- Lưu: VT, Lai(105).



Lâm Văn Bi

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG,
THAY THẾ, BÃI BỎ VÀ QUY TRÌNH KHÔNG CÔNG KHAI TRONG
LĨNH VỰC ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG
QUẢN LÝ CỦA SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI TỈNH CÀ MAU**



*(Kèm theo Quyết định số: 616/QĐ-UBND ngày 30 tháng 3 năm 2021
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau)*

1. Danh mục thủ tục hành chính bị sửa đổi, bổ sung, thay thế và bãi bỏ

a) Danh mục thủ tục hành chính bị sửa đổi, bổ sung, thay thế

Số TT	Mã TTHC Địa phương	Tên thủ tục hành chính	Căn cứ văn bản quy định sửa đổi, bổ sung, thay thế thủ tục hành chính
I.	Quyết định số 657/QĐ-UBND ngày 13/4/2016		
1	1.003788.00 0.00.00.H12	Chấp thuận chủ trương xây dựng bến thủy nội địa	Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa
2	1.001529.00 0.00.00.H12	Công bố mở luồng, tuyến đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa địa phương	
3	1.001410.00 0.00.00.H12	Công bố đóng luồng, tuyến đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa địa phương	
4	1.004252.00 0.00.00.H12	Chấp thuận chủ trương xây dựng cảng thủy nội địa	
5	1.001531.00 0.00.00.H12	Cho ý kiến trong giai đoạn lập dự án đầu tư xây dựng công trình bảo đảm an ninh, quốc phòng trên đường thủy nội địa địa phương	
6	1.001542.00 0.00.00.H12	Cho ý kiến trong giai đoạn lập dự án đầu tư xây dựng công trình trên tuyến đường thủy nội địa địa phương; đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa địa phương	

Số TT	Mã TTHC Địa phương	Tên thủ tục hành chính	Căn cứ văn bản quy định sửa đổi, bổ sung, thay thế thủ tục hành chính
7	1.001551.00 0.00.00.H12	Công bố hạn chế giao thông đường thủy nội địa trong trường hợp thi công công trình trên đường thủy nội địa địa phương; đường thủy nội địa chuyên dùng nối đường thủy nội địa địa phương	
8	1.001582.00 0.00.00.H12	Công bố hạn chế giao thông đường thủy nội địa trong trường hợp tổ chức hoạt động thể thao, lễ hội, diễn tập trên đường thủy nội địa địa phương; đường thủy nội địa chuyên dùng nối đường thủy nội địa địa phương	
9	1.001608.00 0.00.00.H12	Chấp thuận phương án bảo đảm an toàn giao thông đối với các công trình thi công liên quan đến đường thủy nội địa địa phương; đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa địa phương	
10	1.004242.00 0.00.00.H12	Công bố lại cảng thủy nội địa	
II. Quyết định số 1684/QĐ-UBND ngày 29/9/2016			
11	1.004248.00 0.00.00.H12	Công bố hoạt động cảng thủy nội địa	-nt-
III. Quyết định số 1031/QĐ-UBND ngày 24/6/2019			
12	1.003658.00 0.00.00.H12	Công bố lại hoạt động bến thủy nội địa	-nt-
IV. Quyết định số 420/QĐ-UBND ngày 17/3/2020			
13	1.001429.00 0.00.00.H12	Thông báo thường xuyên, đột xuất luồng đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa địa phương	-nt-

b) Danh mục thủ tục hành chính bị bãi bỏ

Số TT	Mã TTHC Địa phương	Tên thủ tục hành chính	Căn cứ văn bản quy định bãi bỏ thủ tục hành chính
I. Quyết định số 727/QĐ-UBND ngày 19/4/2017			
1.	T-CMU-289362-TT	Thủ tục đối với phương tiện thủy nội địa vào cảng, bến thủy nội địa	Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa
II. Quyết định số 1364/QĐ-UBND ngày 28/8/2018			
2.	1.003592.00 0.00.00.H12	Thủ tục đối với phương tiện thủy nội địa rời cảng, bến thủy nội địa	-nt-
III. Quyết định số 1031/QĐ-UBND ngày 24/6/2019			
3.	1.003675.00 0.00.00.H12	Cấp giấy phép hoạt động bến thủy nội địa	-nt-

2. Danh mục Quy trình nội bộ, liên thông và điện tử thực hiện theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông cấp tỉnh được thu hồi, không công khai

Số TT	Tên quy trình, thủ tục hành chính
I. Quyết định số 709/QĐ-UBND ngày 25/4/2019	
1.	1.29. Thủ tục đối với phương tiện thủy nội địa vào cảng, bến thủy nội địa.
2.	1.3. Thủ tục: Cấp lại giấy phép hoạt động bến thủy nội địa
3.	1.33. Thủ tục: Công bố hoạt động cảng thủy nội địa.
4.	1.34. Thủ tục: Thủ tục đối với phương tiện thủy nội địa rời cảng, bến thủy nội địa.
5.	1.5. Thủ tục: Cho ý kiến trong giai đoạn lập dự án đầu tư xây dựng công trình trên tuyến ĐTNĐ địa phương; ĐTNĐ chuyên dùng nối với ĐTNĐ địa phương.
6.	1.6. Thủ tục: Chấp thuận phương án bảo đảm an toàn giao thông đối với thi công công trình liên quan đến đường thủy nội địa địa phương; đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa địa phương.
7.	1.8. Thủ tục: Công bố hạn chế giao thông đường thủy nội địa trên đường thủy nội địa địa phương và đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa

Số TT	Tên quy trình, thủ tục hành chính
	địa phương trong trường hợp thi công công trình (trừ trường hợp bảo đảm an ninh quốc phòng trên đường thủy nội địa địa phương).
8.	1.9. Thủ tục: Công bố hạn chế giao thông đường thủy nội địa trên đường thủy nội địa địa phương và đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa địa phương trong trường hợp tổ chức hoạt động thể thao, lễ hội, diễn tập trên đường thủy nội địa (trừ trường hợp bảo đảm an ninh quốc phòng trên đường thủy nội địa địa phương).
9.	2.1. Thủ tục: Chấp thuận chủ trương xây dựng bến thủy nội địa
10.	2.2. Thủ tục: Công bố mở luồng, tuyến đường thủy nội địa đối với đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa địa phương
11.	2.3. Thủ tục: Công bố đóng luồng, tuyến đường thủy nội địa đối với đường thủy nội địa chuyên dùng nối với ĐTNĐ địa phương
12.	2.4. Thủ tục: Cho ý kiến trong giai đoạn lập dự án đầu tư xây dựng công trình bảo đảm an ninh, quốc phòng trên ĐTNĐ địa phương
13.	2.5. Thủ tục: Chấp thuận chủ trương xây dựng Cảng thủy nội địa.
14.	1.21. Thủ tục: Công bố lại cảng thủy nội địa
15.	1.4. Thủ tục: Cấp giấy phép hoạt động bến thủy nội địa
II	Quyết định số 420/QĐ-UBND ngày 17/3/2020
16.	1.2. Thủ tục: Thông báo thường xuyên, đột xuất luồng đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa địa phương

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH, ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, THAY THẾ
TRONG LĨNH VỰC ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ
CỦA SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI TỈNH CÀ MAU**

(Kèm theo Quyết định số: 616/QĐ-UBND ngày 30 tháng 3 năm 2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau)

Số TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	<p>1. Tổ chức, cá nhân gửi hồ sơ, thủ tục hành chính đến Sở Giao thông vận tải tỉnh Cà Mau thông qua Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Cà Mau (Địa chỉ: Tầng 1, tầng 2, Tòa nhà Viettel, số 298, đường Trần Hưng Đạo, phường 5, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau), sau đây viết tắt cách thức thực hiện, địa điểm thực hiện thủ tục hành chính là “Trung tâm Giải quyết TTHC tỉnh”.</p> <p>2. Hoặc nộp trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia, đăng ký tại địa chỉ website https://dangky.dichvucong.gov.vn/register hoặc Cổng Dịch vụ công trực tuyến tỉnh Cà Mau, địa chỉ website http://dvctt.camau.gov.vn/thu-tuc-hanh-chinh (Sở Giao thông vận tải), nếu đủ điều kiện và có giá trị như nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu điện, sau đây viết tắt là “Trực tuyến”.</p> <p>3. Thời gian tiếp nhận vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần (trừ ngày nghỉ lễ theo quy định), cụ thể như sau: - Buổi sáng: Từ 07 giờ 00 phút đến 11 giờ 00 phút. - Buổi chiều: Từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút.</p>						
1	Thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng luồng đường thủy nội địa	Trong thời hạn 04 ngày làm việc (cắt giảm 01/05 ngày, tỷ lệ cắt giảm 20%), kể từ	- Trực tiếp; - Qua đường bưu điện hoặc trực tuyến (theo quy định).	- Cơ quan, đơn vị tiếp nhận và trả kết quả trực tiếp: Trung tâm Giải quyết TTHC tỉnh. - Cơ quan, đơn vị thực hiện: Sở Giao	Không	Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa (Nghị	Các bộ phận tạo thành cơ bản còn lại của thủ tục được kết nối, tích hợp theo mã hồ sơ “1.009442” trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia

Số TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
		ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.		thông vận tải.		định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ)	
2	Đổi tên cảng, bến thủy nội địa, khu neo đậu	Trong thời hạn 03 ngày làm việc (cắt giảm 02/05 ngày, tỷ lệ cắt giảm 40%), kể từ ngày nhận được đề nghị của chủ cảng, bến thủy nội địa, khu neo đậu.	- Trực tiếp; - Qua đường bưu điện hoặc trực tuyến (theo quy định).	- Cơ quan, đơn vị tiếp nhận và trả kết quả trực tiếp: Trung tâm Giải quyết TTHC tỉnh. - Cơ quan, đơn vị thực hiện: Sở Giao thông vận tải.	Không	Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ	Các bộ phận tạo thành cơ bản còn lại của thủ tục được kết nối, tích hợp theo mã hồ sơ “1.009443” trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia
3	Gia hạn hoạt động cảng, bến thủy nội địa	Trong thời hạn 03 ngày làm việc (cắt giảm 02/05 ngày, tỷ lệ cắt giảm 40%), kể từ ngày	- Trực tiếp; - Qua đường bưu điện hoặc trực tuyến (theo quy định).	- Cơ quan, đơn vị tiếp nhận và trả kết quả trực tiếp: Trung tâm Giải quyết TTHC tỉnh. - Cơ quan, đơn vị thực hiện: Sở Giao	Không	Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ	Các bộ phận tạo thành cơ bản còn lại của thủ tục được kết nối, tích hợp theo mã hồ sơ “1.009444” trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia

Số TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
		nhận đủ hồ sơ theo quy định.		thông vận tải.			
4	Thỏa thuận nâng cấp bến thủy nội địa thành cảng thủy nội địa	Trong thời hạn 04 ngày làm việc (cắt giảm 01/05 ngày, tỷ lệ cắt giảm 20%), kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của chủ bến thủy nội địa.	- Trực tiếp; - Qua đường bưu điện hoặc trực tuyến (theo quy định).	- Cơ quan, đơn vị tiếp nhận và trả kết quả trực tiếp: Trung tâm Giải quyết TTHC tỉnh. - Cơ quan, đơn vị thực hiện: Sở Giao thông vận tải.	Không	Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ	Các bộ phận tạo thành cơ bản còn lại của thủ tục được kết nối, tích hợp theo mã hồ sơ “1.009445” trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia
5	Công bố chuyên bến thủy nội địa thành cảng thủy nội địa trong trường hợp bến thủy nội địa có quy mô, thông số kỹ	Trong thời hạn 04 ngày (cắt giảm 01/05 ngày, tỷ lệ cắt giảm 20%), kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	- Trực tiếp; - Qua đường bưu điện hoặc trực tuyến (theo quy định).	- Cơ quan, đơn vị tiếp nhận và trả kết quả trực tiếp: Trung tâm Giải quyết TTHC tỉnh. - Cơ quan, đơn vị thực hiện: Sở Giao thông vận tải.	Không	Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ	Các bộ phận tạo thành cơ bản còn lại của thủ tục được kết nối, tích hợp theo mã hồ sơ “1.009446” trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia

Số TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	thuật phù hợp với cấp kỹ thuật cảng thủy nội địa						
6	Công bố đóng cảng, bến thủy nội địa	Trong thời hạn 03 ngày làm việc (cắt giảm 02/05 ngày, tỷ lệ cắt giảm 40%), kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	- Trực tiếp; - Qua đường bưu điện hoặc trực tuyến (theo quy định).	- Cơ quan, đơn vị tiếp nhận và trả kết quả trực tiếp: Trung tâm Giải quyết TTHC tỉnh. - Cơ quan, đơn vị thực hiện: Sở Giao thông vận tải.	Không	Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ	Các bộ phận tạo thành cơ bản còn lại của thủ tục được kết nối, tích hợp theo mã hồ sơ “1.009447” trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia
7	Thiết lập khu neo đậu	Trong thời hạn 04 ngày làm việc (cắt giảm 01/05 ngày, tỷ lệ cắt giảm 20%), kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	- Trực tiếp; - Qua đường bưu điện hoặc trực tuyến (theo quy định).	- Cơ quan, đơn vị tiếp nhận và trả kết quả trực tiếp: Trung tâm Giải quyết TTHC tỉnh. - Cơ quan, đơn vị thực hiện: Sở Giao thông vận tải.	Không	Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ	Các bộ phận tạo thành cơ bản còn lại của thủ tục được kết nối, tích hợp theo mã hồ sơ “1.009448” trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia

Số TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
8	Công bố hoạt động khu neo đậu	Trong thời hạn 04 ngày làm việc (cắt giảm 01/05 ngày, tỷ lệ cắt giảm 20%), kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	- Trực tiếp; - Qua đường bưu điện hoặc trực tuyến (theo quy định).	- Cơ quan, đơn vị tiếp nhận và trả kết quả trực tiếp: Trung tâm Giải quyết TTHC tỉnh. - Cơ quan, đơn vị thực hiện: Sở Giao thông vận tải.	Không	Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ	Các bộ phận tạo thành cơ bản còn lại của thủ tục được kết nối, tích hợp theo mã hồ sơ “1.009449” trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia
9	Công bố đóng khu neo đậu	Trong thời hạn 03 ngày làm việc (cắt giảm 02/05 ngày, tỷ lệ cắt giảm 40%), kể từ ngày nhận được biên bản khảo sát hiện trường khu neo đậu hoặc đơn đề nghị của chủ đầu tư khu neo đậu.	- Trực tiếp; - Qua đường bưu điện hoặc trực tuyến (theo quy định).	- Cơ quan, đơn vị tiếp nhận và trả kết quả trực tiếp: Trung tâm Giải quyết TTHC tỉnh. - Cơ quan, đơn vị thực hiện: Sở Giao thông vận tải.	Không	Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ	Các bộ phận tạo thành cơ bản còn lại của thủ tục được kết nối, tích hợp theo mã hồ sơ “1.009450” trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia
10	Thỏa thuận	Trong thời	- Trực tiếp;	- Cơ quan, đơn vị	Không	Nghị định số	Các bộ phận tạo thành cơ

Số TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	thiết lập báo hiệu đường thủy nội địa đối với công trình xây dựng, hoạt động trên đường thủy nội địa	hạn 04 ngày làm việc (cắt giảm 01/05 ngày, tỷ lệ cắt giảm 20%), kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	- Qua đường bưu điện hoặc trực tuyến (theo quy định).	tiếp nhận và trả kết quả trực tiếp: Trung tâm Giải quyết TTHC tỉnh. - Cơ quan, đơn vị thực hiện: Sở Giao thông vận tải.		08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ	bản còn lại của thủ tục được kết nối, tích hợp theo mã hồ sơ “1.009451” trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia
11	Công bố lại hoạt động bến thủy nội địa	Trong thời hạn 04 ngày làm việc (cắt giảm 01/05 ngày, tỷ lệ cắt giảm 20%), kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	- Trực tiếp; - Qua đường bưu điện hoặc trực tuyến (theo quy định).	- Cơ quan, đơn vị tiếp nhận và trả kết quả trực tiếp: Trung tâm Giải quyết TTHC tỉnh. - Cơ quan, đơn vị thực hiện: Sở Giao thông vận tải.	Phí: 100.000 đồng/lần	- Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ; - Thông tư số 198/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực đường thủy nội địa và đường sắt (Thông tư số	Các bộ phận tạo thành cơ bản còn lại của thủ tục được kết nối, tích hợp theo mã hồ sơ “1.003658” trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia

Số TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						198/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính).	
12	Công bố lại hoạt động cảng thủy nội địa	Trong thời hạn 04 ngày làm việc (cắt giảm 01/05 ngày, tỷ lệ cắt giảm 20%), kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	- Trực tiếp; - Qua đường bưu điện hoặc trực tuyến (theo quy định).	- Cơ quan, đơn vị tiếp nhận và trả kết quả trực tiếp: Trung tâm Giải quyết TTHC tỉnh. - Cơ quan, đơn vị thực hiện: Sở Giao thông vận tải.	Phí: 100.000 đồng/lần .	- Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ; - Thông tư số 198/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính.	Các bộ phận tạo thành cơ bản còn lại của thủ tục được kết nối, tích hợp theo mã hồ sơ “1.004242” trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia
13	Thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng bến thủy nội địa	- Bến thủy nội địa trên đường thủy nội địa địa phương: Trong thời hạn 04 ngày làm việc (cắt giảm 01/05 ngày, tỷ lệ cắt giảm 20%), kể từ ngày	- Trực tiếp; - Qua đường bưu điện hoặc trực tuyến (theo quy định).	- Cơ quan, đơn vị tiếp nhận và trả kết quả trực tiếp: Trung tâm Giải quyết TTHC tỉnh. - Cơ quan, đơn vị thực hiện: Sở Giao thông vận tải.	Không	Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ	Các bộ phận tạo thành cơ bản còn lại của thủ tục được kết nối, tích hợp theo mã hồ sơ “1.009452” trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia

Số TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
		nhận đủ sơ theo quy định. - Bến thủy nội địa trên đường thủy nội địa quốc gia hoặc trong vùng nước cảng biển: Trong thời hạn 09 ngày làm việc (cắt giảm 01/10 ngày, tỷ lệ cắt giảm 10%), kể từ ngày nhận đủ sơ theo quy định.					
14	Thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng bến khách ngang	Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	- Trực tiếp; - Qua đường bưu điện hoặc trực tuyến (theo quy định).	- Cơ quan, đơn vị tiếp nhận và trả kết quả trực tiếp: + Trung tâm Giải quyết TTHC tỉnh; + Bộ phận Tiếp	Không	Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ	Các bộ phận tạo thành cơ bản còn lại của thủ tục được kết nối, tích hợp theo mã hồ sơ “1.009453” trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia

Số TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	sông, bến thủy nội địa phục vụ thi công công trình chính			nhận và Trả kết quả cấp huyện. - Cơ quan, đơn vị thực hiện: + Sở Giao thông vận tải; + Ủy ban nhân dân cấp huyện.			
15	Công bố hoạt động bến thủy nội địa	Trong thời hạn 04 ngày làm việc (cắt giảm 01/05 ngày, tỷ lệ cắt giảm 20%), kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	- Trực tiếp; - Qua đường bưu điện hoặc trực tuyến (theo quy định).	- Cơ quan, đơn vị tiếp nhận và trả kết quả trực tiếp: Trung tâm Giải quyết TTHC tỉnh. - Cơ quan, đơn vị thực hiện: Sở Giao thông vận tải.	Phí: 100.000 đồng/lần	- Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ; - Thông tư số 198/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính.	Các bộ phận tạo thành cơ bản còn lại của thủ tục được kết nối, tích hợp theo mã hồ sơ “1.009454” trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia
16	Công bố hoạt động bến khách ngang sông, bến thủy nội địa phục vụ thi	Trong thời hạn 04 ngày làm việc (cắt giảm 01/05 ngày, tỷ lệ cắt giảm 20%), kể từ ngày	- Trực tiếp; - Qua đường bưu điện hoặc trực tuyến (theo quy định).	- Cơ quan, đơn vị tiếp nhận và trả kết quả trực tiếp: Trung tâm Giải quyết TTHC tỉnh. - Cơ quan, đơn vị thực hiện: Sở Giao	Phí: 100.000 đồng/lần	- Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ; - Thông tư số 198/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016	Các bộ phận tạo thành cơ bản còn lại của thủ tục được kết nối, tích hợp theo mã hồ sơ “1.009455” trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia

Số TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	công công trình chính	nhận đủ hồ sơ theo quy định.		thông vận tải.		của Bộ Tài chính.	
17	Công bố hoạt động cảng thủy nội địa	Trong thời hạn 04 ngày làm việc (cắt giảm 01/05 ngày, tỷ lệ cắt giảm 20%), kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	- Trực tiếp; - Qua đường bưu điện hoặc trực tuyến (theo quy định).	- Cơ quan, đơn vị tiếp nhận và trả kết quả trực tiếp: Trung tâm Giải quyết TTHC tỉnh. - Cơ quan, đơn vị thực hiện: Sở Giao thông vận tải.	Phí: 100.000 đồng/lần .	- Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ; - Thông tư số 198/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính.	Các bộ phận tạo thành cơ bản còn lại của thủ tục được sao y theo Quyết định số 285/QĐ-BGTVT ngày 23/02/2021 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải
18	Công bố mở luồng chuyên dùng nối với luồng quốc gia, luồng chuyên dùng nối với luồng địa phương	Công bố luồng chuyên dùng nối với luồng địa phương: - Trong thời hạn 04 ngày làm việc (cắt giảm 01/05 ngày, tỷ lệ cắt giảm 20%), kể từ ngày nhận	- Trực tiếp; - Qua đường bưu điện hoặc trực tuyến (theo quy định).	- Cơ quan, đơn vị tiếp nhận và trả kết quả trực tiếp: Trung tâm Giải quyết TTHC tỉnh. - Cơ quan, đơn vị thực hiện: + Sở Giao thông vận tải; + Ủy ban nhân dân tỉnh.	không	Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ	Các bộ phận tạo thành cơ bản còn lại của thủ tục được kết nối, tích hợp theo mã hồ sơ “1.009459” trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia

Số TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
		đủ hồ sơ, Sở Giao thông vận tải thẩm định hồ sơ, nếu đủ điều kiện thì báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh; - Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ và báo cáo của Sở Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quyết định công bố mở luồng.					
19	Công bố đóng luồng đường thủy nội địa chuyên	- Trong thời hạn 7,5 ngày làm việc (cắt giảm 2,5/10 ngày, tỷ lệ cắt	- Trực tiếp; - Qua đường bưu điện hoặc trực	- Cơ quan, đơn vị tiếp nhận và trả kết quả trực tiếp: Trung tâm Giải quyết TTHC tỉnh.	Chi phí liên quan khi đóng luồng chuyên	Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ	Các bộ phận tạo thành cơ bản còn lại của thủ tục được kết nối, tích hợp theo mã hồ sơ “1.009460” trên Cổng Dịch vụ công Quốc

Số TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	dùng khi không có nhu cầu khai thác, sử dụng	giảm 25%), kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Sở Giao thông vận tải thẩm định hồ sơ, nếu đủ điều kiện thì báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh; - Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ và báo cáo của Sở Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quyết định công bố đóng lương theo phạm vi quản lý.	tuyên (theo quy định).	- Cơ quan, đơn vị thực hiện: + Sở Giao thông vận tải; + Ủy ban nhân dân tỉnh.	dùng do tổ chức, cá nhân có lòng chuyên dùng chi trả, trừ trường hợp đóng lương vì lý do bảo đảm quốc phòng, an ninh do cơ quan đề nghị đóng lương chi trả.		gia

Số TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
20	Thông báo luồng đường thủy nội địa chuyên dùng	Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được báo cáo của tổ chức, cá nhân có luồng chuyên dùng.	- Trực tiếp; - Qua đường bưu điện hoặc trực tuyến (theo quy định).	- Cơ quan, đơn vị tiếp nhận và trả kết quả trực tiếp: Trung tâm Giải quyết TTHC tỉnh. - Cơ quan, đơn vị thực hiện: Sở Giao thông vận tải.	Không	Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ	Các bộ phận tạo thành cơ bản còn lại của thủ tục được kết nối, tích hợp theo mã hồ sơ “1.009461” trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia
21	Thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng cảng thủy nội địa	Trong thời hạn 04 ngày làm việc (cắt giảm 01/05 ngày, tỷ lệ cắt giảm 20%), kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	- Trực tiếp; - Qua đường bưu điện hoặc trực tuyến (theo quy định).	- Cơ quan, đơn vị tiếp nhận và trả kết quả trực tiếp: Trung tâm Giải quyết TTHC tỉnh. - Cơ quan, đơn vị thực hiện: Sở Giao thông vận tải.	Không	Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ	Các bộ phận tạo thành cơ bản còn lại của thủ tục được kết nối, tích hợp theo mã hồ sơ “1.009462” trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia
22	Thỏa thuận về nội dung liên quan đến đường thủy nội địa đối với công	- Ủy ban nhân dân tỉnh: thỏa thuận đối với công trình, các hoạt động động quốc phòng, an	- Trực tiếp; - Qua đường bưu điện hoặc trực tuyến (theo quy định).	- Cơ quan, đơn vị tiếp nhận và trả kết quả trực tiếp: Trung tâm Giải quyết TTHC tỉnh. - Cơ quan, đơn vị thực hiện:	Không	Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ	Các bộ phận tạo thành cơ bản còn lại của thủ tục được kết nối, tích hợp theo mã hồ sơ “1.009463” trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia

Số TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	trình không thuộc kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa và các hoạt động trên đường thủy nội địa	<p>ninh có liên quan đến giao thông đường thủy nội địa trên đường thủy nội địa địa phương, đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa địa phương:</p> <p>Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, trong đó:</p> <p>+ Sở Giao thông vận tải: 03 ngày làm việc;</p> <p>+ Ủy ban</p>		<p>+ Ủy ban nhân dân tỉnh;</p> <p>+ Sở Giao thông vận tải.</p>			

Số TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
		nhân dân tỉnh: 02 ngày làm việc. - Sở Giao thông vận tải: thỏa thuận về nội dung liên quan đến đường thủy nội địa đối với các công trình, hoạt động trên đường thủy nội địa địa phương, đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa địa phương, hành lang bảo vệ luồng, trừ trường hợp					

Số TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
		thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh: Trong thời hạn 04 ngày làm việc (cắt giảm 01/05 ngày, tỷ lệ cắt giảm 20%), kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.					
23	Công bố hạn chế giao thông đường thủy nội địa	Trong thời hạn 04 ngày làm việc (cắt giảm 01/05 ngày, tỷ lệ cắt giảm 20%), kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	- Trực tiếp; - Qua đường bưu điện hoặc trực tuyến (theo quy định).	- Cơ quan, đơn vị tiếp nhận và trả kết quả trực tiếp: Trung tâm Giải quyết TTHC tỉnh. - Cơ quan, đơn vị thực hiện: Sở Giao thông vận tải.	Không	Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ	Các bộ phận tạo thành cơ bản còn lại của thủ tục được kết nối, tích hợp theo mã hồ sơ “1.009464” trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia
24	Chấp thuận	Trong thời	- Trực tiếp;	- Cơ quan, đơn vị	Không	Nghị định số	Các bộ phận tạo thành cơ

Số TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	phương án bảo đảm an toàn giao thông	hạn 04 ngày làm việc (cắt giảm 01/05 ngày, tỷ lệ cắt giảm 20%), kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	- Qua đường bưu điện hoặc trực tuyến (theo quy định).	tiếp nhận và trả kết quả trực tiếp: Trung tâm Giải quyết TTHC tỉnh. - Cơ quan, đơn vị thực hiện: Sở Giao thông vận tải.		08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ	bản còn lại của thủ tục được kết nối, tích hợp theo mã hồ sơ “1.009465” trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia

Tổng số danh mục có 24 thủ tục hành chính./.

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH, ĐƯỢC SỬA ĐỔI,
BỔ SUNG, THAY THẾ THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA
SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI CÓ THỰC HIỆN VÀ KHÔNG THỰC HIỆN
TIẾP NHẬN HỒ SƠ, TRẢ KẾT QUẢ QUA DỊCH VỤ BUƯ CHÍNH CÔNG
ÍCH VÀ TRUNG TÂM GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TỈNH**

*(Kèm theo Quyết định số: 616/QĐ-UBND ngày 30 tháng 3 năm 2021
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau)*

Số TT	Tên thủ tục hành chính	Thủ tục hành chính			
		Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích		Tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả tại Trung tâm Giải quyết TTHC tỉnh	
		Có	Không	Có	Không
I	Lĩnh vực Đường thủy nội địa	24	0	24	0
1	Thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng luồng đường thủy nội địa	X		X	
2	Đổi tên cảng, bến thủy nội địa, khu neo đậu	X		X	
3	Gia hạn hoạt động cảng, bến thủy nội địa	X		X	
4	Thỏa thuận nâng cấp bến thủy nội địa thành cảng thủy nội địa	X		X	
5	Công bố chuyển bến thủy nội địa thành cảng thủy nội địa trong trường hợp bến thủy nội địa có quy mô, thông số kỹ thuật phù hợp với cấp kỹ thuật cảng thủy nội địa	X		X	
6	Công bố đóng cảng, bến thủy nội địa	X		X	
7	Thiết lập khu neo đậu	X		X	
8	Công bố hoạt động khu neo đậu	X		X	

Số TT	Tên thủ tục hành chính	Thủ tục hành chính			
		Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích		Tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả tại Trung tâm Giải quyết TTHC tỉnh	
		Có	Không	Có	Không
9	Công bố đóng khu neo đậu	X		X	
10	Thỏa thuận thiết lập báo hiệu đường thủy nội địa đối với công trình xây dựng, hoạt động trên đường thủy nội địa	X		X	
11	Công bố lại hoạt động bến thủy nội địa	X		X	
12	Công bố lại hoạt động cảng thủy nội địa	X		X	
13	Thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng bến thủy nội địa	X		X	
14	Thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng bến khách ngang sông, bến thủy nội địa phục vụ thi công công trình chính	X		X	
15	Công bố hoạt động bến thủy nội địa	X		X	
16	Công bố hoạt động bến khách ngang sông, bến thủy nội địa phục vụ thi công công trình chính	X		X	
17	Công bố hoạt động cảng thủy nội địa	X		X	
18	Công bố mở luồng chuyên dùng nối với luồng quốc gia, luồng chuyên dùng nối với luồng địa phương	X		X	
19	Công bố đóng luồng đường thủy nội địa chuyên dùng khi không có nhu cầu khai thác, sử dụng	X		X	
20	Thông báo luồng đường thủy nội địa chuyên dùng	X		X	
21	Thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng cảng thủy nội địa	X		X	
22	Thỏa thuận về nội dung liên quan đến đường thủy nội địa đối với công trình không thuộc kết	X		X	

Số TT	Tên thủ tục hành chính	Thủ tục hành chính			
		Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích		Tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả tại Trung tâm Giải quyết TTHC tỉnh	
		Có	Không	Có	Không
	cầu hạ tầng đường thủy nội địa và các hoạt động trên đường thủy nội địa				
23	Công bố hạn chế giao thông đường thủy nội địa	X		X	
24	Chấp thuận phương án bảo đảm an toàn giao thông	X		X	

Tổng số danh mục có 24 thủ tục hành chính./.

**QUY TRÌNH NỘI BỘ, LIÊN THÔNG VÀ ĐIỆN TỬ GIẢI QUYẾT ĐỐI VỚI
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ
CỦA SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI TỈNH CÀ MAU**

*(Kèm theo Quyết định số: 616/QĐ-UBND ngày 30 tháng 3 năm 2020
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau)*

I. Lĩnh vực Đường thủy nội địa

1. Thủ tục hành chính thực hiện theo cơ chế một cửa (không liên thông)

1.1. Thủ tục: Thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng luồng đường thủy nội địa

1.2. Thủ tục: Thỏa thuận nâng cấp bến thủy nội địa thành cảng thủy nội địa

1.3. Thủ tục: Công bố chuyển bến thủy nội địa thành cảng thủy nội địa trong trường hợp bến thủy nội địa có quy mô, thông số kỹ thuật phù hợp với cấp kỹ thuật cảng thủy nội địa

1.4. Thủ tục: Thiết lập khu neo đậu

1.5. Thủ tục: Công bố hoạt động khu neo đậu

1.6. Thủ tục: Thỏa thuận thiết lập báo hiệu đường thủy nội địa đối với công trình xây dựng, hoạt động trên đường thủy nội địa

1.7. Thủ tục: Công bố lại hoạt động bến thủy nội địa

1.8. Thủ tục: Công bố lại hoạt động cảng thủy nội địa

1.9. Thủ tục: Công bố hoạt động bến thủy nội địa

1.10. Thủ tục: Công bố hoạt động bến khách ngang sông, bến thủy nội địa phục vụ thi công công trình chính

1.11. Thủ tục: Công bố hoạt động cảng thủy nội địa

1.12. Thủ tục: Thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng cảng thủy nội địa

1.13. Thủ tục: Công bố hạn chế giao thông đường thủy nội địa

1.14. Thủ tục: Chấp thuận phương án bảo đảm an toàn giao thông

1.15. Thủ tục: Thỏa thuận về nội dung liên quan đến đường thủy nội địa đối với công trình không thuộc kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa và các hoạt động trên đường thủy nội địa

Đối với trường hợp Sở Giao thông vận tải: thỏa thuận về nội dung liên quan đến đường thủy nội địa đối với các công trình, hoạt động trên đường thủy nội địa địa phương, đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa địa phương, hành lang bảo vệ luồng, trừ trường hợp thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

a) Thời gian giải quyết: Trong thời hạn 04 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định¹.

b) Quy trình giải quyết:

Số TT	Nội dung công việc	Chuyển đến	Phòng, ban, bộ phận xử lý	Thời gian thực hiện
1.	Tiếp nhận hồ sơ, tạo hồ sơ điện tử, xuất phiếu hẹn		Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	0,25 ngày làm việc
2.	Lãnh đạo phân công xử lý		Lãnh đạo Sở Giao thông vận tải, Phòng Quản lý chất lượng và KCHT	0,25 ngày làm việc
3.	Chuyên viên xử lý hồ sơ		Phòng Quản lý chất lượng và KCHT	2,5 ngày làm việc
4.	Lãnh đạo phòng trình ký		Phòng Quản lý chất lượng và KCHT	0,5 ngày làm việc
5.	Lãnh đạo Sở Giao thông vận tải phê duyệt		Lãnh đạo Sở Giao thông vận tải	0,25 ngày làm việc
6.	Văn thư ghi số, lưu hồ sơ, scan kết quả giải quyết đính kèm lên hệ thống		Văn phòng Sở	0,25 ngày làm việc
7.	Trả kết quả		Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	Không tính ngày

1.16. Thủ tục: Đổi tên cảng, bến thủy nội địa, khu neo đậu

1.17. Thủ tục: Gia hạn hoạt động cảng, bến thủy nội địa

1.18. Thủ tục: Công bố đóng cảng, bến thủy nội địa

1.19. Thủ tục: Công bố đóng khu neo đậu

1.20. Thủ tục: Thông báo luồng đường thủy nội địa chuyên dùng

a) Thời gian giải quyết: Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

b) Quy trình giải quyết:




¹ Riêng thủ tục Công bố chuyển bến thủy nội địa thành cảng thủy nội địa trong trường hợp bến thủy nội địa có quy mô, thông số kỹ thuật phù hợp với cấp kỹ thuật cảng thủy nội địa, giải quyết theo chế độ “ngày”.

Số TT	Nội dung công việc	Chuyển đến	Phòng, ban, bộ phận xử lý	Thời gian thực hiện
1.	Tiếp nhận hồ sơ, tạo hồ sơ điện tử, xuất phiếu hẹn		Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	0,25 ngày làm việc
2.	Lãnh đạo phân công xử lý		Lãnh đạo Sở Giao thông vận tải, Phòng Quản lý chất lượng và KCHT	0,25 ngày làm việc
3.	Chuyên viên xử lý hồ sơ		Phòng Quản lý chất lượng và KCHT	1,5 ngày làm việc
4.	Lãnh đạo phòng trình ký		Phòng Quản lý chất lượng và KCHT	0,5 ngày làm việc
5.	Lãnh đạo Sở Giao thông vận tải phê duyệt		Lãnh đạo Sở Giao thông vận tải	0,25 ngày làm việc
6.	Văn thư ghi số, lưu hồ sơ, scan kết quả giải quyết đính kèm lên hệ thống		Văn phòng Sở	0,25 ngày làm việc
7.	Trả kết quả		Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	Không tính ngày

1.21. Thủ tục: Thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng bến khách ngang sông, bến thủy nội địa phục vụ thi công công trình chính

a) Thời gian giải quyết: Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

b) Quy trình giải quyết:

Số TT	Nội dung công việc	Chuyển đến	Phòng, ban, bộ phận xử lý	Thời gian thực hiện
1.	Tiếp nhận hồ sơ, tạo hồ sơ điện tử, xuất phiếu hẹn		Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	0,25 ngày làm việc
2.	Lãnh đạo phân công xử lý		Lãnh đạo Sở Giao thông vận tải, Phòng Quản lý chất lượng và KCHT	0,25 ngày làm việc
3.	Chuyên viên xử lý hồ sơ		Phòng Quản lý chất lượng và KCHT	3,5 ngày làm việc

Số TT	Nội dung công việc	Chuyển đến	Phòng, ban, bộ phận xử lý	Thời gian thực hiện
4.	Lãnh đạo phòng trình ký		Phòng Quản lý chất lượng và KCHT	0,5 ngày làm việc
5.	Lãnh đạo Sở Giao thông vận tải phê duyệt		Lãnh đạo Sở Giao thông vận tải	0,25 ngày làm việc
6.	Văn thư ghi số, lưu hồ sơ, scan kết quả giải quyết đính kèm lên hệ thống		Văn phòng Sở	0,25 ngày làm việc
7.	Trả kết quả		Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	Không tính ngày

2. Thủ tục hành chính thực hiện theo cơ chế một cửa liên thông

2.1. Thủ tục: Công bố mở luồng chuyên dùng nối với luồng quốc gia, luồng chuyên dùng nối với luồng địa phương

a) Thời gian giải quyết: Công bố luồng chuyên dùng nối với luồng địa phương:

- Trong thời hạn 04 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Sở Giao thông vận tải thẩm định hồ sơ, nếu đủ điều kiện thì báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh;

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ và báo cáo của Sở Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quyết định công bố mở luồng.

b) Quy trình giải quyết:

Số TT	Nội dung công việc	Chuyển đến	Phòng, ban, bộ phận xử lý	Thời gian thực hiện
1.	Tiếp nhận hồ sơ, tạo hồ sơ điện tử, xuất phiếu hẹn		Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	0,25 ngày làm việc
2.	Lãnh đạo phân công xử lý		Lãnh đạo Sở Giao thông vận tải, Phòng Quản lý chất lượng và KCHT	0,25 ngày làm việc
3.	Chuyên viên xử lý hồ sơ		Phòng Quản lý chất lượng và KCHT	2,5 ngày làm việc
4.	Lãnh đạo phòng trình ký		Phòng Quản lý chất lượng và KCHT	0,5 ngày làm việc

Số TT	Nội dung công việc	Chuyển đến	Phòng, ban, bộ phận xử lý	Thời gian thực hiện
5.	Lãnh đạo Sở Giao thông vận tải trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt		Lãnh đạo Sở Giao thông vận tải	0,25 ngày làm việc
6.	Tiếp nhận hồ sơ, thẩm tra trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt. Chuyển kết quả đến Sở Giao thông vận tải và thực hiện công khai theo quy định		Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh	05 ngày làm việc
7.	Văn thư ghi số, lưu hồ sơ, scan kết quả giải quyết đính kèm lên hệ thống		Văn phòng Sở	0,25 ngày làm việc
8.	Trả kết quả		Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	Không tính ngày

2.2. Thủ tục: Công bố đóng luồng đường thủy nội địa chuyên dùng khi không có nhu cầu khai thác, sử dụng

a) Thời gian giải quyết:

- Trong thời hạn 7,5 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Sở Giao thông vận tải thẩm định hồ sơ, nếu đủ điều kiện thì báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh;

- Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ và báo cáo của Sở Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quyết định công bố đóng luồng theo phạm vi quản lý.

b) Quy trình giải quyết:

Số TT	Nội dung công việc	Chuyển đến	Phòng, ban, bộ phận xử lý	Thời gian thực hiện
1.	Tiếp nhận hồ sơ, tạo hồ sơ điện tử, xuất phiếu hẹn		Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	0,25 ngày làm việc
2.	Lãnh đạo phân công xử lý		Lãnh đạo Sở Giao thông vận tải, Phòng Quản lý chất lượng và KCHT	0,25 ngày làm việc
3.	Chuyên viên xử lý hồ sơ		Phòng Quản lý chất lượng và KCHT	5,5 ngày làm việc

Số TT	Nội dung công việc	Chuyển đến	Phòng, ban, bộ phận xử lý	Thời gian thực hiện
4.	Lãnh đạo phòng trình ký		Phòng Quản lý chất lượng và KCHT	0,5 ngày làm việc
5.	Lãnh đạo Sở Giao thông vận tải trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt		Lãnh đạo Sở Giao thông vận tải	0,5 ngày làm việc
6.	Tiếp nhận hồ sơ, thẩm tra trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt. Chuyển kết quả đến Sở Giao thông vận tải và thực hiện công khai theo quy định		Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh	10 ngày làm việc
7.	Văn thư ghi số, lưu hồ sơ, scan kết quả giải quyết đính kèm lên hệ thống		Văn phòng Sở	0,5 ngày làm việc
8.	Trả kết quả		Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	Không tính ngày

2.3. Thủ tục: Thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng bến thủy nội địa

a) Thời gian giải quyết:

- Bến thủy nội địa trên đường thủy nội địa địa phương: Trong thời hạn 04 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ sơ theo quy định.

- Bến thủy nội địa trên đường thủy nội địa quốc gia hoặc trong vùng nước cảng biển: Trong thời hạn 09 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ sơ theo quy định.

b) Quy trình giải quyết:

** Quy trình giải quyết trong thời hạn 04 ngày làm việc*

Số TT	Nội dung công việc	Chuyển đến	Phòng, ban, bộ phận xử lý	Thời gian thực hiện
1.	Tiếp nhận hồ sơ, tạo hồ sơ điện tử, xuất phiếu hẹn		Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	0,25 ngày làm việc
2.	Lãnh đạo phân công xử lý		Lãnh đạo Sở Giao thông vận tải, Phòng Quản lý chất lượng và KCHT	0,25 ngày làm việc
3.	Chuyên viên xử lý hồ sơ		Phòng Quản lý chất lượng và KCHT	2,5 ngày làm việc

Số TT	Nội dung công việc	Chuyển đến	Phòng, ban, bộ phận xử lý	Thời gian thực hiện
4.	Lãnh đạo phòng trình ký		Phòng Quản lý chất lượng và KCHT	0,5 ngày làm việc
5.	Lãnh đạo Sở Giao thông vận tải phê duyệt		Lãnh đạo Sở Giao thông vận tải	0,25 ngày làm việc
6.	Văn thư ghi số, lưu hồ sơ, scan kết quả giải quyết đính kèm lên hệ thống		Văn phòng Sở	0,25 ngày làm việc
7.	Trả kết quả		Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	Không tính ngày

** Quy trình giải quyết trong thời hạn 09 ngày làm việc*

Số TT	Nội dung công việc	Chuyển đến	Phòng, ban, bộ phận xử lý	Thời gian thực hiện
1.	Tiếp nhận hồ sơ, tạo hồ sơ điện tử, xuất phiếu hẹn		Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	0,25 ngày làm việc
2.	Lãnh đạo phân công xử lý		Lãnh đạo Sở Giao thông vận tải, Phòng Quản lý chất lượng và KCHT	0,25 ngày làm việc
3.	Lấy ý kiến của cơ quan trung ương		Chi cục đường thủy nội địa khu vực hoặc Cảng vụ hàng hải	05 ngày làm việc
4.	Chuyên viên xử lý hồ sơ		Phòng Quản lý chất lượng và KCHT	2,5 ngày làm việc
5.	Lãnh đạo phòng trình ký		Phòng Quản lý chất lượng và KCHT	0,5 ngày làm việc
6.	Lãnh đạo Sở Giao thông vận tải phê duyệt		Lãnh đạo Sở Giao thông vận tải	0,25 ngày làm việc
7.	Văn thư ghi số, lưu hồ sơ, scan kết quả giải quyết đính kèm lên hệ thống		Văn phòng Sở	0,25 ngày làm việc
8.	Trả kết quả		Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	Không tính ngày


2.4. Thủ tục: Thỏa thuận về nội dung liên quan đến đường thủy nội địa đối với công trình không thuộc kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa và các hoạt động trên đường thủy nội địa

a) Thời gian giải quyết: Đối với trường hợp Ủy ban nhân dân tỉnh: thỏa thuận đối với công trình, các hoạt động động quốc phòng, an ninh có liên quan đến giao thông đường thủy nội địa trên đường thủy nội địa địa phương, đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa địa phương: Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, trong đó:

- Sở Giao thông vận tải: 03 ngày làm việc;
- Ủy ban nhân dân tỉnh: 02 ngày làm việc.

b) Quy trình giải quyết:

Số TT	Nội dung công việc	Chuyển đến	Phòng, ban, bộ phận xử lý	Thời gian thực hiện
1.	Tiếp nhận hồ sơ, tạo hồ sơ điện tử, xuất phiếu hẹn		Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	0,25 ngày làm việc
2.	Lãnh đạo phân công xử lý		Lãnh đạo Sở Giao thông vận tải, Phòng Quản lý chất lượng và KCHT	0,25 ngày làm việc
3.	Chuyên viên xử lý hồ sơ		Phòng Quản lý chất lượng và KCHT	1,5 ngày làm việc
4.	Lãnh đạo phòng trình ký		Phòng Quản lý chất lượng và KCHT	0,25 ngày làm việc
5.	Lãnh đạo Sở Giao thông vận tải trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt		Lãnh đạo Sở Giao thông vận tải	0,5 ngày làm việc
6.	Tiếp nhận hồ sơ, thẩm tra trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt. Chuyển kết quả đến Sở Giao thông vận tải và thực hiện công khai theo quy định		Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh	02 ngày làm việc
7.	Văn thư ghi số, lưu hồ sơ, scan kết quả giải quyết đính kèm lên hệ thống		Văn phòng Sở	0,25 ngày làm việc

Số TT	Nội dung công việc	Chuyển đến	Phòng, ban, bộ phận xử lý	Thời gian thực hiện
8.	Trả kết quả		Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	Không tính ngày

Lưu ý: Để đảm bảo việc trả kết quả cho tổ chức, cá nhân theo phiếu hẹn, đơn vị có thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính liên thông/không liên thông chủ động chuyển trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính về Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả trước 01 buổi./.